

Bản án số: 70/2023/HS-ST
Ngày: 31/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Đức Thúy

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng và Ông Hoàng Công Hải

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Võ Thị Kim Dung - Thư ký

Toà án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên toà:

ông Đặng Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án Toà án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 232/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 1 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 05 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Sỹ H**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 20/10/1964, tại **huyện D, tỉnh Nghệ An**. Nơi cư trú: **thôn G, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An**. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: Kinh doanh. Họ và tên cha: **Phạm Sỹ C** – (Đã chết); **H1** và tên mẹ: **Lê Thị T** – (Đã chết). Anh chị em ruột: Có 04 người, Bị cáo là con thứ tư trong gia đình. Vợ: **Ngô Thị H2** - Sinh năm 1969; Con: Có 04 người, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ kể từ ngày 11/7/2022 đến ngày 20/7/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: **Cao Thị T1**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 17/10/1986, tại **huyện H, tỉnh Nghệ An**. Nơi cư trú: **xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An**. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh. Họ và tên cha: **Cao Quang T2** - Sinh năm: 1956; Họ và tên mẹ: **Hồ Thị V** – Sinh năm: 1960. Anh chị em ruột: Có 02 người, Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Chồng: **Vũ Ngọc D**, sinh năm 1984; Con: Có 02 người, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ kể từ ngày 11/7/2022 đến ngày

20/7/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên toà.

3. Họ và tên: **Nguyễn Thị H3**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 02/02/1990, tại **huyện H, tỉnh Hà Tĩnh**. Nơi cư trú: **xóm A, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An**. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ và tên cha: **Nguyễn Học G** - Sinh năm: 1954; Họ và tên mẹ: **Nguyễn Thị V1** – Sinh năm: 1955. Anh chị em ruột: Có 03 người, Bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Chồng: **Nguyễn Trọng B**, sinh năm 1978; Con: Có 02 người, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ kể từ ngày 11/7/2022 đến ngày 20/7/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên toà.

4. Họ và tên: **Trần Thăng L**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 22/12/1978, tại **huyện T, tỉnh Nghệ An**. Nơi cư trú: **thôn M, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh**. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh. Họ và tên cha: **Trần Xuân Đ** – Sinh năm: 1930; Họ và tên mẹ: **Nguyễn Thị N** – Sinh năm: 1935. Anh chị em ruột: Có 07 người, Bị cáo là con thứ bảy trong gia đình. Vợ: **Nguyễn Thị V1** - Sinh năm 1979; Con: Có 02 người, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ kể từ ngày 11/7/2022 đến ngày 20/7/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên toà.

5. Họ và tên: **Hoàng Hữu T3**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 17/7/1984, tại **huyện D, tỉnh Nghệ An**. Nơi cư trú: **xóm I, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An**. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Chức vụ đoàn thể, Đảng phái: Đảng viên **Đ2**. Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: Kế toán. Họ và tên cha: **Hoàng Hữu T4** – (Đã chết); **H1** và tên mẹ: **Nguyễn Thị Đ1** – Sinh năm: 1960. Anh chị em ruột: Có 03 người, Bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Vợ: **Cao Thị H4** - Sinh năm 1989; Con: Có 02 người con đều sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 19/7/2022 cho đến nay. Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Thị T1 làm nghề photocopy tại **quán P** có địa chỉ tại **số E, đường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An**. Khoảng tháng 5/2021, **Cao Thị T1** nhận thấy có nhiều

khách hàng đặt vấn đề nhờ chứng thực giả các tài liệu photocopy nên nảy sinh ý định đặt mua các hình dấu giả để chứng thực cho khách hàng có nhu cầu. Sau đó, Cao Thị T1 đã bàn bạc, trao đổi với Nguyễn Thị H3 (là nhân viên tại quán P) về việc đặt các hình dấu giả liên quan đến Ủy ban nhân dân phường Đ về để cùng nhau chứng thực giả tài liệu nhằm hưởng lợi, Nguyễn Thị H3 đồng ý.

Qua tìm hiểu trên mạng Internet, Cao Thị T1 liên hệ được với một người đàn ông không rõ lai lịch và thỏa thuận với người này làm giả hình dấu tròn của Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An với giá tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Khoảng 10 ngày sau, hình dấu tròn của Ủy ban nhân dân phường Đ được gửi cho Cao Thị T1 qua hình thức “ship”. Sau khi nhận được hình dấu tròn, Cao Thị T1 đến cơ sở khắc dấu Văn Đỗ, tại đường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An đặt khắc dấu tên có nội dung “Bùi Văn D1” (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ), dấu chứng thực bản sao đúng với bản chính mang tên Ủy ban nhân dân phường Đ. Sau khi có các công cụ để làm giả tài liệu, Cao Thị T1 và Nguyễn Thị H3 thống nhất như sau: Khi có khách hàng đặt vấn đề chứng thực tài liệu thì Cao Thị T1 sử dụng bút mực giả mạo chữ ký của ông Bùi Văn D1 rồi đóng các hình dấu chứng thực cho khách hàng hoặc khi có khách hàng đặt vấn đề chứng thực giả tài liệu thông qua Nguyễn Thị H3 thì cũng chuyển tài liệu cho Cao Thị T1 để giả mạo chữ ký ông D1 và đóng dấu chứng thực giả. Quá trình thực hiện hành vi làm giả, Cao Thị T1 đã làm giả một số tài liệu cho các khách hàng không rõ lai lịch.

Khoảng đầu tháng 10/2021, Nguyễn Thị H3 có trao đổi với Cao Thị T1 về việc khắc hình dấu chữ ký của ông Bùi Văn D1 để không phải trực tiếp giả mạo chữ ký và đẹp, giống như thật hơn, Cao Thị T1 đồng ý nên lấy tài liệu có chữ ký của ông Bùi Văn D1, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ có trong quán photocopy cung cấp cho Nguyễn Thị H3 để khắc hình dấu chữ ký. Nguyễn Thị H3 mang theo mẫu chữ ký đến cơ sở K với giá 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng. Sau khi có hình dấu chữ ký của ông Bùi Văn D1, Nguyễn Thị H3 đưa cho Cao Thị T1 cất giữ và thỏa thuận: Khi khách có nhu cầu, Cao Thị T1 chuyển hết tài liệu và công cụ chứng thực giả cho Nguyễn Thị H3 qua hình thức giao hàng ship để Nguyễn Thị H3 đóng các hình dấu giả rồi chuyển lại cho Cao Thị T1.

Khoảng giữa tháng 10/2021, Phạm Sỹ H (Giám đốc Công ty TNHH Đ3, địa chỉ: Thôn G, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An) nhận được thông báo mời thầu của UBND xã D về dự án xây dựng công trình hạ tầng chia lô đất ở khu dân cư tại vùng Đ thuộc xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Theo đó, tiêu chí tham gia đấu thầu có nội dung quy định doanh thu trung bình trong ba năm liên tiếp 2018,

2019, 2020 của doanh nghiệp tham gia dự thầu phải trên mức 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng) và phải có tối thiểu 26 nhân sự cốt yếu theo yêu cầu

Do nhận thức được Công ty TNHH Đ3 không đảm bảo tiêu chí doanh thu và nhân sự cốt yếu như trên (Không đảm bảo năng lực dự thầu) nên Phạm Sỹ H đã liên hệ với Trần Thăng L (Giám đốc Công ty cổ phần X, đơn vị tư vấn thẩm định Hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp công trình hạ tầng chia lô đất ở khu dân cư tại vùng Đ) để nhờ Trần Thăng L làm giả giấy tờ chứng minh năng lực tài chính cho Công ty TNHH Đ3 nhằm thỏa mãn điều kiện tham gia dự thầu. Do cả nể Trần Thăng L đồng ý và nói: “Anh nói kế toán làm số liệu đi rồi đưa cho em”; Phạm Sỹ H trả lời: “VẬY ĐỂ THĂNG T3 LÀM ĐI”, Phạm Sỹ H nói thêm: “Chú làm luôn cho anh cả bộ hồ sơ dự thầu”; Trần Thăng L đồng ý và nói: “Anh đưa hồ sơ nhân sự cho em”, Phạm Sỹ H trả lời: “Nhân sự cũng không có”, Trần Thăng L nói: “VẬY ĐỂ E XỬ LÝ LUÔN”; Phạm Sỹ H hiểu ý Trần Thăng L sẽ thiết kế tài liệu giả về năng lực nhân sự của công ty theo như cách làm tài liệu giả chứng minh năng lực tài chính. Sau đó, Phạm Sỹ H gọi điện thoại cho Hoàng Hữu T3 (Kế toán của Công ty TNHH Đ3) yêu cầu in báo cáo tài chính năm 2018, 2019, 2020, khi nhận được báo cáo thì Phạm Sỹ H nói: “Chú chỉnh lại báo cáo tài chính cho đủ yêu cầu của chủ đầu tư”, Hoàng Hữu T3 hỏi: “Chủ đầu tư yêu cầu bao nhiêu” thì Phạm Sỹ H trả lời: “Chủ đầu tư yêu cầu trung bình mỗi năm trên mười lăm tỷ”, Hoàng Hữu T3 thắc mắc việc nâng không số liệu tài chính sẽ sai pháp luật nhưng Phạm Sỹ H nói: “Cứ làm đi, có chi anh chịu”, Hoàng Hữu T3 hiểu ý Phạm Sỹ H muốn mình thiết kế số liệu không rồi tìm cách tạo ra tài liệu giả chứng minh năng lực tài chính nhưng vì cả nể với Phạm Sỹ H nên vẫn đồng ý.

Sau đó, Hoàng Hữu T3 sử dụng máy tính laptop cá nhân mở bảng biểu báo cáo tài chính trên hệ thống HTTK của Bộ T5, điều chỉnh số liệu trên bảng biểu phù hợp với yêu cầu của Phạm Sỹ H rồi in ra khổ A4 và đưa cho Phạm Sỹ H. Phạm Sỹ H đưa tất cả tài liệu nói trên gửi đến thành phố V, tỉnh Nghệ An cho Trần Thăng L. Khi nhận được bảng số liệu, Trần Thăng L lập ra 01 (một) bảng tổng hợp tài chính của nhà thầu, tên nhà thầu là Công ty TNHH Đ3 có địa chỉ tại xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, mã số thuế 29006160160, thiết kế sẵn phần xác nhận của Công ty TNHH Đ3 phía dưới bên phải (Để trống phần ký, đóng dấu) rồi tải hình ảnh dấu đỏ, chữ ký Lãnh đạo của Chi cục thuế B2 trên mạng Internet ghép vào phần phía dưới bên trái của B1 tổng hợp tài chính của nhà thầu và in ra khổ giấy A4. Sau đó, Trần Thăng L gửi tài liệu này đến huyện D, tỉnh Nghệ An cho Phạm Sỹ H để ký, đóng dấu vào phần xác nhận của Công ty TNHH Đ3. Khi ký xong, Phạm Sỹ H gửi lại tài liệu đến thành phố V cho Trần Thăng L.

Khoảng cuối tháng 11/2021, **Trần Thăng L** mang theo tài liệu gồm: Bảng tổng hợp tài chính của nhà thầu có hình dấu tròn, chữ ký photocopy của **Chi cục thuế B2**; hình dấu đỏ, chữ ký trực tiếp của **Phạm Sỹ H** và **Công ty TNHH Đ3** cùng một số bản photocopy văn bằng chứng chỉ về nhân sự đi tìm nơi để chứng thực giả. Khi tìm đến **quán P**, **Trần Thăng L** nhờ **Cao Thị T1** in phun các hình dấu chứng thực thì **Cao Thị T1** nói: “Để đó em đóng dấu cho, cuối ngày qua lấy”, **Trần Thăng L** hiểu **Cao Thị T1** có dấu giả để đóng. Sau đó, đối với tài liệu Bảng tổng hợp tài chính của nhà thầu, **Trần Thăng L** nhờ **Cao Thị T1** photocopy 01 (một) bản mới rồi đóng các hình dấu chứng thực giả; đối với các văn bằng, chứng chỉ photocopy thì **Trần Thăng L** nhờ **Cao Thị T1** đóng các hình dấu chứng thực giả. Lúc này, **Cao Thị Thúy q** cách thức làm trước đó và quên rằng mình đã có hình dấu chữ ký của ông **Bùi Văn D1** nên **Cao Thị T1** đã ký giả mạo 04 (bốn) chữ ký của ông **Bùi Văn D1** trên 04 (bốn) tài liệu photocopy. Khi **Cao Thị T1** nhớ ra việc mình đã có hình dấu chữ ký của ông **Bùi Văn D1** do **Nguyễn Thị H3** đặt khắc nên gửi các tài liệu mà **Trần Thăng L** nhờ chứng thực cùng các con dấu giả của **Ủy ban nhân dân phường Đ** và dấu chữ ký của ông **Bùi Văn D1** cho **Nguyễn Thị H3** để đóng các hình dấu. Khi thực hiện xong, **Nguyễn Thị H3** giao lại các công cụ và các tài liệu giả cho **Cao Thị T1**. Buổi chiều cùng ngày, **Trần Thăng L** gặp **Cao Thị T1** để lấy các tài liệu được đóng dấu chứng thực giả và trả cho **Cao Thị T1** 90.000 (Chín mươi nghìn) đồng. Sau đó, **Trần Thăng L** gửi hồ sơ có các tài liệu giả cho **Phạm Sỹ H** để đưa đi dự thầu.

Khi nhận được hồ sơ dự thầu, **Phạm Sỹ H** mang hồ sơ đến **Ủy ban nhân dân xã D**, huyện D, tỉnh Nghệ An để tham gia dự thầu. Hồ sơ được **Ủy ban nhân dân xã D** cho **Công ty cổ phần X1**, địa chỉ số A, đường N, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An do **Nguyễn Hồng S**, sinh năm 1965, trú tại xóm T, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An làm giám đốc để đánh giá và báo cáo cho **Trần Thăng L** để thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Kết quả, ngày 07/12/2021, **Công ty TNHH Đ3** trúng gói thầu số 1 đối với dự án xây dựng hạ tầng chia lô đất ở khu dân cư tại vùng Đ thuộc xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia theo Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của **Ủy ban nhân dân xã D**.

* Tại bản kết luận giám định số 243/KL-PC09 (Đ3-TL) ngày 07/7/2022 của **Phòng K1 Công an tỉnh N**, kết luận:

- Chữ ký mang tên **Bùi Văn D1** trên “BẢNG TỔNG HỢP TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU” ký hiệu A là hình dấu chữ ký (không phải là chữ ký trực tiếp);

- Hình dấu tròn “U.B.N.D PHƯỜNG ĐỘI CUNG T.P VINH T. NGHỆ AN” trên “BẢNG TỔNG HỢP TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU” ký hiệu A so với hình

dấu tròn “U.B.N.D PHƯỜNG ĐỘI CUNG T.P VINH T. NGHỆ AN” trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M8 không phải do cùng một con dấu đóng ra;

- Hình dấu “CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH” trên “BẢNG TỔNG HỢP TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU” ký hiệu A so với hình dấu “CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M9 không phải do cùng một con dấu đóng ra;

- Hình dấu tên “**Bùi Văn D1**” trên “BẢNG TỔNG HỢP TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU” ký hiệu A so với hình dấu tên “**Bùi Văn D1**” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M10 không phải do cùng một con dấu đóng ra;

- Hình dấu tròn “CHI CỤC THUẾ KHU VỰC BẮC NGHỆ II” trên “BẢNG TỔNG HỢP TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU” ký hiệu A là hình dấu sao chụp (được tạo ra bằng phương pháp photocopy);

- Chữ ký mang tên **Đình Viết D2** dưới mục “PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG” trên “BẢNG TỔNG HỢP TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU” ký hiệu A là chữ ký sao chụp (được tạo ra bằng phương pháp photocopy);

- Hình dấu tròn “CÔNG TY T.NHIỆM H.HẠN ĐÌNH TRANG” dưới mục “GIÁM ĐỐC” trên “BẢNG TỔNG HỢP TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU” ký hiệu A là hình dấu sao chụp (được tạo ra bằng phương pháp photocopy);

- Chữ ký mang tên **Phạm Sỹ H** dưới mục “GIÁM ĐỐC” trên “BẢNG TỔNG HỢP TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU” ký hiệu A là chữ ký sao chụp (được tạo ra bằng phương pháp photocopy)

* Tại bản kết luận giám định số 259/KL-PC09(Đ3-TL) ngày 22/7/2022 của **Phòng K1 Công an tỉnh N**, kết luận:

- Chữ ký mang tên **Bùi Văn D1** trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A29 so với chữ ký của ông **Bùi Văn D1** trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không phải do cùng một người ký ra;

- Hình dấu tròn “U.B.N.D PHƯỜNG ĐỘI CUNG T.P VINH T.NGHỆ AN” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A29 so với hình dấu tròn “U.B.N.D PHƯỜNG ĐỘI CUNG T.P VINH T.NGHỆ AN” trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M8 không phải do cùng một con dấu đóng ra;

- Hình dấu chữ nhật “CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A29 so với hình dấu chữ nhật “CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M9 không phải do cùng một con dấu đóng ra;

- Hình dấu tên “**Bùi Văn D1**” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A29 so với dấu tên “**Bùi Văn D1**” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M10

không phải do cùng một con dấu đóng ra;

- Hình dấu tròn “U.B.N.D PHƯỜNG ĐỘI CUNG T.P VINH T. NGHỆ AN” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A29 do cùng một con dấu đóng ra

* Tại bản kết luận giám định số 319/KL-PC09 (Đ3-TL) ngày 06/9/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh N đã kết luận:

- Hình dấu chữ ký mang tên Bùi Văn D1 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A26 so với hình dấu chữ ký mang tên Bùi Văn D1 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký mang tên Bùi Văn D1 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A27 đến A30 là chữ ký trực tiếp;

- Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG ĐỘI CUNG T.P VINH T. NGHỆ AN” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A30 so với hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG ĐỘI CUNG T.P VINH T. NGHỆ AN” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một con dấu đóng ra;

- Hình dấu chữ nhật có nội dung “CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A30 so với hình dấu chữ nhật có nội dung “CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4 là do cùng một con dấu đóng ra;

- Hình dấu tên có nội dung “Bùi Văn D1” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A30 so với hình dấu tên có nội dung “Bùi Văn D1” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một con dấu đóng ra.

* Tại bản kết luận giám định số 327/KL-PC09 (Đ3-TL) ngày 13/9/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh N kết luận:

- Hình dấu tên có nội dung “GIÁM ĐỐC Nguyễn Trường G1” thu thập từ hình dấu thu giữ tại nơi làm việc của Cao Thị T1 so với hình dấu “GIÁM ĐỐC Nguyễn Trường G1” trên các tài liệu của Công ty cổ phần T6 là do cùng một con dấu đóng ra;

- Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG AN” thu thập từ hình dấu thu giữ tại nơi làm việc của Cao Thị T1 so với hình dấu “CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG AN” trên các tài liệu của Công ty cổ phần T6 là do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Bản cáo trạng số 243/CT-VKS-DS ngày 14/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Phạm Sỹ H về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại

khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo **Cao Thị T1** và **Nguyễn Thị H3** về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo **Trần Thăng L** về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo **Hoàng Hữu T3** về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Đối với bị cáo **Phạm Sỹ H**:

- Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo **Phạm Sỹ H**: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo **Phạm Sỹ H**: 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

* Đối với bị cáo **Cao Thị T1**:

- Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo **Cao Thị T1**: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng về tội “Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo **Cao Thị T1**: 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

* Đối với bị cáo **Nguyễn Thị H3**:

- Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s, n khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H3**: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng về tội “Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, n khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H3**: 30 tháng đến 33 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Làm giả tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

* Đối với bị cáo **Trần Thăng L**: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo **Trần Thăng L**: 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử

thách từ 48 tháng đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

* Đối với bị cáo **Hoàng Hữu T3**: Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo **Hoàng Hữu T3**: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng về tội “Làm giả tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

* **Hình phạt bổ sung**: Xét thấy, bị cáo có thu nhập thấp, không ổn định nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu hóa giá, sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A03, màu đen có số Seri R9HRC07TVWB, đã qua sử dụng thu giữ của **Nguyễn Thị H3**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M20 màu đen, số Seri R28M13HJ20P, đã qua sử dụng thu giữ của **Cao Thị T1** đã sử dụng để liên lạc làm giả các giấy tờ và con dấu.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) con dấu màu đỏ có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG ĐỘI CUNG T.P VINH T.NGHỆ AN”, trên vỏ hình dấu có dòng chữ **S1, Printer S**; 01 (một) con dấu màu đỏ có nội dung “CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH” mang tên Cơ quan **Ủy ban nhân dân phường Đ, TP V, tỉnh Nghệ An**, trên vỏ hình dấu có dòng chữ TD stamp, Printer-3815; 01 (một) dấu tên màu đỏ “**Bùi Văn D1**”, trên vỏ dấu có dòng chữ Shiny printer S-852; 01 (một) con dấu chữ ký vỏ màu xanh, trên vỏ có dòng chữ Shiny printer S-854.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-QH14 buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí HSST là 200.000 đồng và án phí dân sự theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhận tội, không tranh luận gì và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện D**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện D**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, nội dung cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được cũng như các chứng cứ, tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 11 năm 2021, **Phạm Sỹ H** là giám đốc **Công ty TNHH Đ3** đã có hành vi làm giả các tài liệu, giấy tờ về doanh thu và nhân sự cốt yếu để nâng khống năng lực dự thầu. Trong đó, **Cao Thị T1** và **Nguyễn Thị H3** vì mục đích vụ lợi đã trực tiếp sử dụng con dấu giả để làm 29 giấy tờ giả về năng lực nhân sự và 01 giấy tờ giả về doanh thu. **Trần Thăng L** là người trực tiếp chuẩn bị tài liệu, giấy tờ rồi liên hệ với **Cao Thị T1** và **Nguyễn Thị H3** giúp **Phạm Sỹ H** làm giả các tài liệu nói trên. **Hoàng Hữu T3** với vai trò là kế toán đã thiết kế 01 bảng số liệu khống chứng minh năng lực tài chính giúp sức cho **Phạm Sỹ H** làm giả 01 tài liệu. Sau khi có các giấy tờ, tài liệu giả nói trên, **Phạm Sỹ H** đã sử dụng các tài liệu giả này tham gia đấu thầu và trúng thầu dự án xây dựng công trình hạ tầng chia lô đất ở khu dân cư tại **vùng Đ thuộc xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An**. Hành vi của bị cáo **Phạm Sỹ H** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự; hành vi của **Cao Thị T1** và **Nguyễn Thị H3** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự; hành vi của **Trần Thăng L** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; hành vi của **Hoàng Hữu T3** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng; hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu và xâm phạm tính công bằng, minh bạch trong hoạt động

đấu thầu. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Do đó cần xét xử nghiêm các bị cáo, tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với bị cáo **Phạm Sỹ H**, bị cáo **Cao Thị T1**: bị cáo **H** là người đã chủ động liên hệ với **Trần Thăng L** để nhờ làm giả các hồ sơ dự thầu, và sau khi có hồ sơ làm giả thì bị cáo **H** đã sử dụng vào mục đích đấu thầu, và trúng thầu. Bị cáo **Cao Thị T1** là người trực tiếp làm giả các con dấu, liên hệ với các khách hàng có nhu cầu làm giả tài liệu. Do vậy, bị cáo **Phạm Sỹ H**, **Cao Thị T1** phải chịu mức trách nhiệm hình sự chính trong vụ án.

Đối với bị cáo **Trần Thăng L**, **Nguyễn Thị H3**: hai bị cáo đều tích cực trong việc làm giả tài liệu; bị cáo **H3** tích cực giúp sức trong việc sử dụng giấy tờ giả. Do vậy, các bị cáo phải chịu mức trách nhiệm hình sự cao thứ hai trong vụ án.

Đối với bị cáo **Hoàng Hữu T3**: bị cáo với vai trò là kế toán đã thiết kế 01 bảng số liệu không chứng minh năng lực tài chính giúp sức cho **Phạm Sỹ H** làm giả 01 tài liệu nên trong vụ án này bị cáo phải chịu mức trách nhiệm hình sự thấp nhất.

Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng

Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo **Hoàng Hữu T3** phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có thành tích xuất sắc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2019 được tặng Giấy khen theo Quyết định số 941/QĐ-HU ngày 07/01/2020 của **Ban chấp hành Đảng bộ huyện D**. Bị cáo **Phạm Sỹ H** được Trung đoàn 11, Sư đoàn 571 Anh hùng tặng kỷ niệm chương đã trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu, trên tuyến vận tải chi viện chiến lược **T, Việt Nam - Lào - Campuchia**. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo **Trần Thăng L** đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc phát hiện thêm đồng phạm. Trong thời gian điều tra, truy tố, xét xử bị cáo **Nguyễn Thị H3** là phụ nữ có thai và nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Sau khi phạm tội, các bị cáo **Cao Thị T1** và **Nguyễn Thị H3** đã đầu thú. Bị cáo **Phạm Sỹ H**, **Trần Thăng L**, **Nguyễn Thị H3** có bố là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương. Bị cáo **Cao Thị T1** có chồng là anh **Vũ Ngọc D**, sinh năm 1984, trú tại **xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An** được Bộ tư lệnh Cảnh sát cơ động tặng Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, huấn luyện, học tập lớp tập huấn phòng chống khủng bố cho lực lượng Cảnh sát đặc nhiệm năm 2018 theo Quyết định số 2664/QĐ-K02-P3 ngày 23/8/2018. Xét về hoàn cảnh các bị cáo: Bị cáo **Hoàng Hữu T3** bị bệnh ung thư dạ dày; Bị cáo **Phạm Sỹ H** bị bệnh đá vôi hóa chất trắng não có ổ dịch tụ máu mỡ. Bị cáo **T1**, Huế đều

nuôi con nhỏ nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s, n, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tương ứng với từng bị cáo.

Xét các bị cáo có nhân thân tốt; không có tình tiết tăng nặng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú ổn định. Tuy các bị cáo **H**, **T1**, **H3** bị truy tố về hai tội danh, nhưng hành vi của các bị cáo có mối liên hệ gắn kết, hành vi này là tiền đề, kết quả của hành vi khác nên chưa cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền, gia đình và áp dụng mức hình phạt tiền như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đủ nghiêm.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo có thu nhập thấp, không ổn định nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A03, màu đen có số Seri R9HRC07TVWB, đã qua sử dụng thu giữ của **Nguyễn Thị H3**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M20 màu đen, số Seri R28M13HJ20P, đã qua sử dụng thu giữ của **Cao Thị T1** đã sử dụng để liên lạc làm giả các giấy tờ và con dấu cần tịch thu hoá giá nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) con dấu màu đỏ có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG ĐỘI CUNG T.P VINH T.NGHỆ AN”, trên vỏ hình dấu có dòng chữ **S1**, **Printer S**; 01 (một) con dấu màu đỏ có nội dung “CHÚNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH” mang tên Cơ quan **Ủy ban nhân dân phường Đ, TP V, tỉnh Nghệ An**, trên vỏ hình dấu có dòng chữ TD stamp, Printer-3815; 01 (một) dấu tên màu đỏ “**Bùi Văn D1**”, trên vỏ dấu có dòng chữ Shiny printer S-852; 01 (một) con dấu chữ ký vỏ màu xanh, trên vỏ có dòng chữ Shiny printer S-854 cần tịch thu tiêu huỷ.

[5] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo **Phạm Sỹ H** phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; bị cáo **Cao Thị T1**, **Nguyễn Thị H3** phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức”; bị cáo **Trần Thăng L**, **Hoàng Hữu T3** phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015; Phạt tiền bị cáo **Phạm Sỹ H** 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu đồng) về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo **Phạm Sỹ H**: 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015; Phạt tiền bị cáo **Cao Thị T1** 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu đồng) về tội “Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo **Cao Thị T1**: 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s, n khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015; Phạt tiền bị cáo **Nguyễn Thị H3** 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) về tội “Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, n khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H3**: 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo **Trần Thăng L**: 24 (Hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 341; Điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015; phạt tiền bị cáo **Hoàng Hữu T3** 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng).

Giao bị cáo **Phạm Sỹ H** cho **UBND xã D, huyện D** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo **Cao Thị T1** cho **UBND xã D, huyện D** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo **Nguyễn Thị H3** cho **UBND xã N, thành phố V** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo **Trần Thăng L** cho **UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh** giám sát và giáo dục trong thời

gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, những người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A03, màu đen có số Seri R9HRC07TVWB, đã qua sử dụng thu giữ của **Nguyễn Thị H3**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M20 màu đen, số Seri R28M13HJ20P, đã qua sử dụng thu giữ của **Cao Thị T1** đã sử dụng để liên lạc làm giả các giấy tờ và con dấu.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) con dấu màu đỏ có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG ĐỘI CUNG T.P VINH T.NGHỆ AN”, trên vỏ hình dấu có dòng chữ **S1, Printer S**; 01 (một) con dấu màu đỏ có nội dung “CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH” mang tên Cơ quan **Ủy ban nhân dân phường Đ, TP V, tỉnh Nghệ An**, trên vỏ hình dấu có dòng chữ TD stamp, Printer-3815; 01 (một) dấu tên màu đỏ “**Bùi Văn D1**”, trên vỏ dấu có dòng chữ Shiny printer S-852; 01 (một) con dấu chữ ký vỏ màu xanh, trên vỏ có dòng chữ Shiny printer S-854.

(Số vật chứng nêu trên hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng **Chi cục THADS huyện D** theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/03/2023.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Diễn Châu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- CA, THA Hình sự h. Diễn Châu;
- THA Dân sự huyện Diễn Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo;
- UBND xã (nơi BC cư trú);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Vũ Đức Thúy

